

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 337/2017/HS-PT

Ngày: 15-11-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 327/2017/HSPT ngày 13/10/2017, đối với bị cáo Trương Quốc T, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 30/8/2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **TRƯƠNG QUỐC T**, sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk;

Trú tại: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Trương Quốc T1 và con bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 06/7/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” theo bản án số 31/2010/HSST. Ngày 19/01/2017, chấp hành xong hình phạt tù; Bị cáo bị bắt ngày 01 tháng 5 năm 2017. Hiện tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, nên trong các ngày 30 tháng 4 và ngày 01 tháng 5 năm 2017, Trương Quốc T đã liên tục liên lạc (Điện thoại, nhắn tin, gửi hình) cho chị Phùng Thanh X giả giọng người khác để uy hiếp tinh thần và tạo ra tình huống giả là mình đang bị bắt cóc tại biên giới Campuchia sắp bị bán sang Trung Quốc để mổ lấy nội tạng, đồng thời yêu cầu chị X nói với gia đình mình đưa 15.000.000đ tiền chuộc. Sau khi nhận được tin báo của chị X, thì ông Trương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị M cùng gia đình bị suy sụp, tinh thần hoảng loạn, hoang mang và lo lắng, vì vậy ông T1 và bà M đã đưa cho chị X 7.000.000đ để chị X đi chuộc T về. Khoảng chiều ngày 01 tháng 5 năm 2017, T tiếp tục liên lạc và hẹn chị X giao tiền tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, T đón xe taxi do anh N Y Dũng điều khiển từ huyện E, tỉnh Đắk Lắk đến khu vực đã hẹn là Nhà văn hóa huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T và chị X đang thực hiện việc giao nhận tiền, thì bị bắt giữ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 135; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Trương Quốc T 02 (Hai) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (Ngày 01/5/2017).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 05/9/2017 bị cáo Trương Quốc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Quốc T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 135 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Trương Quốc T đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Trương Quốc T là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt; Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Xét lời khai của bị cáo Trương Quốc T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Trong các ngày 30 tháng 4 và 01 tháng 5 năm 2017, Trương Quốc T đã giả giọng người khác để uy hiếp tinh thần và tạo ra tình huống giả là mình bị bắt cóc làm cho ông T1 và bà M suy sụp tinh thần, hoang mang, lo lắng và chiếm đoạt số tiền 7.000.000đ của ông T1, bà M. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Quốc T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Bởi lẽ, sau khi vừa chấp hành xong hình phạt tù bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về vật chất mà còn gây thiệt hại về tinh thần làm cho người bị hại là bố mẹ bị cáo suy sụp về tinh thần, hoang mang, lo lắng. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo là chưa chính xác cần rút kinh nghiệm. Trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo có cung cấp tình tiết ông nội bị cáo là ông Trương Văn S là người có công với cách mạng, tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS cho bị cáo nên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Quốc T – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Trương Quốc T 02 (Hai) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 01/5/2017.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Hằng